TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUỶ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 11 - 2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUỶ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Quang Huy
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Minh
Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Linh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 26/11/2018, tại Hội trường, Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2018/TLS-HNGĐ ngày 27/9/2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Hà T, sinh năm 1974
Địa chỉ: Tổ dân phố 2 Q, thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Thái S, sinh năm 1964
Địa chỉ: Tổ dân phố 2 Q, thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 25/9/2018, được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn chị Phạm Hà T trình bày:

- Về tình cảm: Chị và anh Đỗ Thái S trước khi đến với nhau không được hai gia đình đồng ý nên chị và anh không tổ chức đám cưới. Tuy nhiên, chị và anh đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 04/01/1997 của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng ra ở riêng tại tổ dân phố 2 Q, thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn ngay sau khi về sống chung với nhau. Nguyên nhân do anh S đánh đập, chửi bới, doạ nạt chị và xúc phạm gia đình chị nhưng vì thương con chị vẫn cố gắng chịu đựng. Ngoài ra, trong

thời gian chị đi lao động ở nước ngoài, anh S ở nhà bài bạc, đề đóm, có quan hệ yêu đương với người phụ nữ khác và gọi điện thoại chửi bới, xúc phạm chị. Đến năm 2010, vợ chồng cắt đứt liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Thái S.

Tại Bản tự khai ngày 18/10/2018 và các Biên bản hoà giải, bị đơn anh Đỗ Thái S trình bày: Quá trình kết hôn giống như chị T đã trình bày. Quá trình chung sống chị T trình bày không đúng sự thật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sinh được 02 con. Năm 2007, vợ chồng bàn bạc, anh nhất trí cho chị T đi lao động ở nước ngoài một thời gian để cải thiện kinh tế gia đình, đến thời điểm này vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc. Sau khi sang nước ngoài, chị T vẫn thường xuyên liên lạc và gửi số tiền hơn 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu) đồng để anh trả nợ và nuôi con, vợ chồng vẫn quan tâm, liên lạc với nhau; đến năm 2010, chị T cắt đứt liên lạc, không gửi tiền để anh nuôi con. Anh S không đồng ý ly hôn với chị T vì liên quan đến khoản nợ 94.000.000đ (Chín mươi bốn triệu) đồng anh vay mượn chi phí cho chị đi lao động ở nước ngoài và nuôi con ăn học. Nếu chị T đồng ý trả ½ số nợ anh đã vay mượn thì anh đồng ý ly hôn với chị T. Tại phiên toà, anh S xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị T và nhất trí ly hôn với chị T.

- Về con chung: Chị T và anh S cùng khai vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thanh T, sinh năm 1997 và Đỗ Quốc T, sinh ngày 29/02/2000. Anh, chị thống nhất trình bày các con đã trên 18 tuổi nên muốn ở với ba hay mẹ là tuỳ các con.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Chị T, anh Sơn khai vợ chồng không có tài sản chung; chị T khai không có nợ chung. Chị T trình bày: Sau khi sang nước ngoài làm ăn, chị gửi số tiền hơn 60.000.000đ (Sáu mươi triệu) đồng cho anh S trả nợ tiền vay ngân hàng 20.000.000đ (Hai mươi triệu) đồng, số tiền còn lại để anh S nuôi con. Vì vậy, số tiền anh S khai nợ 94.000.000đ (Chín mươi bốn triệu) đồng anh S tự vay mượn thì anh S phải chịu trách nhiệm trả.

Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, anh Sơn đã nộp bản trình bày yêu cầu giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng số tiền 94.000.000đ (Chín mươi bốn triệu) đồng. Toà án đã giao Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí để anh S thực hiện nghĩa vụ theo quy định, tuy nhiên quá thời hạn thông báo anh S vẫn không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Toà án. Tại phiên toà anh S tiếp tục yêu cầu giải quyết buộc chị T có trách nhiệm trả ½ số nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Hà T và anh Đỗ Thái S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến năm 2007, điều này được thể hiện trước khi chị T đi lao động ở nước ngoài, anh, chị cùng bàn bạc, thống nhất, anh đồng ý để chị T đi làm ăn để cải thiện kinh tế gia đình và còn được thể hiện anh, chị cùng nhau vay mượn tiền làm các thủ tục để chị T đi làm ăn. Sau khi sang Malaixia, chị T vẫn liên lạc và gửi tiền về để anh S trả nợ và nuôi con. Tuy nhiên, sau khoảng 3 năm chị T và anh S không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Tại phiên toà, chị T xin ly hôn anh S vì không còn tình cảm vợ chồng với anh S. Anh S cũng đồng ý ly hôn với chị T vì tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T với anh S là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con cái: Các con chung của anh S, chị T đã trưởng thành, anh, chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Chị T, anh S đều khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung:

Anh S yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng số tiền 94.000.000đ (Chín mươi bốn triệu) đồng nhưng anh không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của anh S là phù hợp với quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí ly hôn: Chị T, anh S thoả thuận giao cho chị T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm h khoản 1 Điều 217, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Hà T với anh Đỗ Thái S.

2/ Về yêu cầu giải quyết khoản nợ chung: Đình chỉ yêu cầu của anh Đỗ Thái S về việc yêu cầu giải quyết khoản nợ chung số tiền 94.000.000đ (Chín mươi bốn triệu) đồng.

3/ Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Phạm Hà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp

theo biên lai số 0001867 ngày 27/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Chị T đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018) để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- UBND thị trấn N;
- Lưu HS, VP.